

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ Y TẾ QUỐC TẾ

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ Y TẾ QUỐC TẾ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: INTERNATIONAL MEDICAL AND TECHNOLOGY SCIENCE TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: IMTS.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0107847409

3. Ngày thành lập: 16/05/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

BT 6.5-11, khu Đô thị Quang Minh, Thị trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện; - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế	4659
2.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
3.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu	0128
4.	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa Chi tiết: Phòng khám đa khoa (Điều 41 Luật Khám, chữa bệnh ngày 23/11/2009)	8620
5.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
6.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
7.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn đá quý	4669
8.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
9.	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0130
10.	Hoạt động của các bệnh viện, trạm xá Chi tiết: Bệnh viện (Điều 41 Luật Khám, chữa bệnh ngày 23/11/2009)	8610(Chính)
11.	Lắp đặt hệ thống điện	4321

12.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng; - Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như: Thang máy, cầu thang tự động, Các loại cửa tự động, Hệ thống đèn chiếu sáng, Hệ thống hút bụi, Hệ thống âm thanh, Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí	4329
13.	Bán mô tô, xe máy	4541
14.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng - Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô	4932
15.	Trồng cây lấy sợi	0116
16.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
17.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
18.	Trồng lúa	0111
19.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Dạy máy tính.	8559
20.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
21.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
22.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
23.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
24.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: đại lý dịch vụ viễn thông (điều 15 Luật Viễn thông)	6190
25.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
26.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
27.	Xây dựng nhà các loại	4100
28.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210

29.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Xây dựng công trình công nghiệp; - Xây dựng công trình đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa công ; Đập và đê; - Xây dựng đường hầm, các công trình thể thao ngoài trời.	4290
30.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế; - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm	4649
31.	Phá dỡ	4311
32.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
33.	Bán buôn đồ uống	4633
34.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
35.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
36.	Đại lý du lịch	7911
37.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
38.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ môi giới bất động sản; - Dịch vụ tư vấn bất động sản (không bao gồm tư vấn giá đất); - Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; - Dịch vụ quản lý bất động sản.	6820
39.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý	4610
40.	Chuyên phát	5320
41.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
42.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
43.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
44.	Trồng cây ăn quả	0121
45.	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210
46.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
47.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ vàng, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh	4773

48.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
49.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
50.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ chuyển giao công nghệ (Điều 28, luật Chuyển giao công nghệ)	7490
51.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
52.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410
53.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
54.	Giáo dục nghề nghiệp	8532
55.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
56.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: - Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột ; - Kinh doanh thực phẩm chức năng (điều 9 nghị định số 67/2016/NĐ-CP) .	4632
57.	Bán buôn tổng hợp	4690
58.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh.	4759

6. Vốn điều lệ: 159.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 15.900.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	PHẠM VĂN MẠNH	Số 56, phố Chùa Láng, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	6.990.000	69.900.000.000	44,000	036065000454	
			Tổng số	6.990.000	69.900.000.000	44,000		
2	Nguyễn Minh Thịnh	Số 20/184 Đà Nẵng, Phường Lạc Viên, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	6.500.000	65.000.000.000	40,900	030978434	
			Tổng số	6.500.000	65.000.000.000	40,900		
3	NGUYỄN QUỐC BẢO	Số 20/184 phố Đà Nẵng, Phường Lạc Viên, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	2.410.000	24.099.630.000	15,100	031790780	
			Tổng số	2.409.963	24.099.630.000	15,100		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN MINH THỊNH

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *19/08/1978*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *030978434*

Ngày cấp: *29/09/2006*

Nơi cấp: *Công an Hải Phòng*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 20/184 Đà Nẵng, Phường Lạc Viên, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 20/184 Đà Nẵng, Phường Lạc Viên, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*